

Thông tin kế toán với
việc ra quyết định

Nội dung

- ▢ Thông tin thích hợp cho việc quy ết định
- ▢ Ứng dụng thông tin thích hợp cho việc quy ết định ngắn hạn
- ▢ Các quy ết định đầu tư dài hạn

1. Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định

- Sự cần thiết phải nhận diện thông tin thích hợp cho việc ra quyết định
- Các chi phí ẩn là thông tin không thích hợp
- Các khoản thuận lợi và chi phí ẩn khác ở các phương án là thông tin không thích hợp

Sự cần thiết phải minh họa nội dung thông tin thích hợp cho việc ra quyết định

- Do tính khan hiếm của thông tin thu thập
- Đơn giản, tập trung thông tin hơn thi việc ra quyết định sẽ chính xác hơn, dễ dàng hơn.

Các chi phí là thông tin không thích hợp

Công ty ABC đang xem xét việc mua sắm một máy mới thay thế cho máy cũ đang sử dụng với mục đích tiết kiệm chi phí hoạt động. Tài liệu liên quan đến máy cũ và máy mới như sau:

<u>Các chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính: nghìn đồng</u>	
	<u>Sử dụng máy cũ</u>	<u>Mua máy mới</u>
- Giá ban đầu	175.000	200.000
- Giá trị còn lại trên sổ sách	140.000	
- Thời gian sử dụng còn lại	4 năm	4 năm
- Giá trị bán hiện nay	90.000	
- Giá trị bán trong 4 năm tới	0	0
- Chi phí hoạt động hàng năm	345.000	300.000
- Doanh thu hàng năm	500.000	500.000

Các chi phí là thông tin không thích hợp

Đơn vị tính: nghìn đồng

<u>Các chỉ tiêu</u>	<u>Sử dụng máy cũ</u>	<u>Mua máy mới</u>	<u>Chênh lệch</u>
Doanh số	2.000.000	2.000.000	0
Chi phí hoạt động	(1.380.000)	(1.200.000)	180.000
Chi phí khấu hao máy mới		(200.000)	(200.000)
Khấu hao máy cũ (hoặc xóa bỏ giá trị sổ sách của máy cũ)	(140.000)	(140.000)	0
Giá bán máy cũ		90.000	90.000
Tổng lợi nhuận	480.000	550.000	70.000

Các chi phí là thông tin không thích hợp

<u>Các chi tiêu</u>	<u>Đơn vị tính: nghìn đồng</u> <u>Chênh lệch</u>
Chi phí hoạt động	180.000
Chi phí mua máy mới	(200.000)
Giá bán máy cũ	90.000
Lợi nhuận chênh lệch tăng khi mua máy mới	70.000

Cách hoàn thiện và chi phí phần nhau ở các phương án là thông tin không thích hợp

Giả sử công ty ABC đang xem xét phương án mua một thiết bị để sử dụng với mục đích giảm nhẹ lao động. Dự tính giá mua thiết bị này là 100 triệu đồng, sử dụng trong 10 năm. Thông tin về doanh thu và chi phí liên quan đến việc có và không có sử dụng thiết bị mới hàng năm như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Không sử dụng <u>thiết bị</u>	Sử dụng <u>thiết bị mới</u>
1. Khối lượng sản phẩm s.xuất	10.000	10.000
2. Đơn giá bán sản phẩm	60	60
3. Chi phí nguyên liệu, vật liệu TT 1sp	20	20
4. Chi phí nhân công TT 1sp	15	10
5. Biến phí sản xuất chung 1 sp	5	5
6. Định phí hoạt động hàng năm	100.000	100.000
7. Chi phí khấu hao TB mới	—	10.000

Cách hoãn thuế và chi phí khấu hao ở các phương án là thông tin không thích hợp

Ta lập bảng phân tích thông tin khác biệt:

Chỉ tiêu	Không sử dụng <u>thiết bị</u>	Đơn vị tính: 1.000 đồng	
		Sử dụng <u>thiết bị mới</u>	<u>Chênh lệch</u>
1. Chi phí nhân công trực tiếp (<u>tính theo tổng số sản phẩm</u>)	150.000	100.000	(50.000)
2. Chi phí khấu hao TB mới	—	10.000	10.000
3. Chi phí tiết kiệm (lãng phí) <u>hàng năm do sử dụng TB mới</u>			(40.000)

Quá trình phân tích thông tin để ra quyết định quản lý

- Bước 1: Tập hợp tất cả cá thông tin liên quan đến các phương án cần xem xét.
- Bước 2: Nhận diện và loại trừ các thông tin không thích hợp, bao gồm các chi phí lặn và các khoản thu nhập, chi phí như nhau giữa các phương án.
- Bước 3: Phân tích các thông tin còn lại (thông tin thích hợp hay thông tin khác biệt) để ra quyết định.

2. Ứng dụng thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn

- Quyết định loại bỏ hay tiếp tục kinh doanh một bộ phận
- Quyết định nên tự sản xuất hay mua ngoài các chi tiết, bộ phận sản phẩm
- Quyết định tiếp tục sản xuất hay nên bán
- Quyết định cách thức sử dụng các năng lực giờ hạn
- Các quyết định về giá bán của sản phẩm

2.1 Quyết định loại bỏ hay tiếp tục kinh doanh một bộ phận

Công ty ABC

Báo cáo thu nhập

Đơn vị tính: triệu đồng

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Tổng cộng</u>	<u>Hàng may mặc</u>	<u>Hàng thiết bị</u>	<u>Hàng gia dụng</u>
Doanh thu	400	180	160	60
Biến phí	212	100	72	40
Số dư đảm phí	188	80	88	20
Định phí	143	61	54	28
Định phí t.tiếp	43	16	14	13
Định phí g.tiếp	100	45	40	15
Lãi (lỗ)	45	19	34	(8)

Loại bỏ hay
tiếp tục kinh doanh hàng gia dụng???

2.1 Quyết định loại bỏ hay tiếp tục kinh doanh một bộ phận

Công ty ABC

Báo cáo thu nhập (toàn công ty).

Chỉ tiêu	Tiếp tục kinh doanh <u>ngành hàng gia dụng</u>	Đơn vị tính: triệu đồng	
		Loại bỏ <u>ngành hàng gia dụng</u>	<u>Chênh lệch</u>
Doanh <u>thu</u>	400	340	(60)
Biến phí	212	172	40
Số dư đảm phí	188	168	(20)
Định phí	143	130	13
Định phí T.tiếp	43	30	13
Định phí G.tiếp	100	100	0
Lãi (lỗ)	45	38	(7)

Tiếp tục kinh doanh mặt hàng gia dụng

2.2 Quyết định nên tự sản xuất hay mua ngoài các chi tiết, bộ phận sản phẩm

Công ty ABC hiện đang tổ chức sản xuất một loại chi tiết X để sản xuất sản phẩm chính. Sản lượng sản xuất chi tiết X theo nhu cầu hàng năm là 10.000 cái, với tài liệu về chi phí sản xuất được cung cấp ở bảng sau:

<u>Các khoản chi phí</u>	<u>Đơn vị tính: 1.000 đồng</u>	
	<u>Theo đơn vị</u>	<u>Tổng số</u>
Nguyên liệu, vật liệu t. tiếp	6	60.000
Lao động trực tiếp	4	40.000
Biến phí sản xuất chung	1	10.000
Lương NV qly và phục vụ pxưởng	3	30.000
Khấu hao TSCĐ pxưởng	2	20.000
Chi phí quản lý chung phân bổ	5	50.000

Công ty ABC vừa nhận thư chào hàng của một nguồn cung cấp bên ngoài đề nghị cung cấp chi tiết X này với giá đơn vị là 19.000 đồng/cái, đúng theo chất lượng và số lượng mà công ty yêu cầu. Vậy, công ty ABC có nên ngưng sản xuất chi tiết X trong nội bộ và bắt đầu mua từ bên ngoài hay không?

2.2 Quyết định nên tự sản xuất hay mua ngoài các chi tiết, bộ phận sản phẩm

Đơn vị tính: 1.000 đồng

<u>Các khoản chi phí</u>	<u>Tự sản xuất</u>	<u>Mua ngoài</u>	<u>Chi phí chênh lệch</u>
Nguyên, vật liệu trực tiếp	60.000	—	(60.000)
Nhân công trực tiếp	40.000	—	(40.000)
Biên phí SXC	10.000	—	(10.000)
Lương NVQL và P.vụ	30.000	—	(30.000)
Giá mua chi tiết X	—	190.000	190.000
Chi phí chênh lệch			50.000

Nên tiếp tục sản xuất

2.3

Quyết định tiếp tục sản xuất hay nên bán

Quy trình chế biến sản phẩm Y chia làm hai giai đoạn. Bán thành phẩm Y hoàn thành ở giai đoạn đầu có thể tiêu thụ được. Số liệu cụ thể về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Y như sau:

- Chi phí sản xuất đơn vị BTP Y:	800.000 đồng
- Giá bán đơn vị BTP Y :	1.000.000 đồng
- Chi phí sản xuất đơn vị TP Y :	1.500.000 đồng
- Giá bán đơn vị TP Y :	2.000.000 đồng

Đơn vị nên bán BTP Y hay tiếp tục sản xuất hoàn thành TP Y ?

2.3

Quyết định tiếp tục sản xuất hay nên bán

Phương án tiếp tục đưa BTP sản xuất ra thành phẩm Y

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Giá trị</u>
Chi phí tăng thêm	700.000
Doanh thu tăng thêm	1.000.000
Lợi nhuận tăng thêm	300.000

Tiếp tục sản xuất

2.4

Quyết định cách thức sử dụng các năng lực giới hạn

- ▣ Trường hợp có 1 năng lực giới hạn
- ▣ Trường hợp có nhiều năng lực giới hạn

Trường hợp có 1 năng lực giới hạn

Công ty ABC sản xuất hai loại sản phẩm A và B. Số giờ máy tối đa có thể sử dụng trong một năm là 18.000 giờ, biết rằng cần 2 giờ máy để sản xuất 1 đơn vị SP A và 1 giờ máy để sản xuất 1 đơn vị SP B. Giá bán đơn vị SP A là 250.000 đồng và SP B là 300.000 đồng; chi phí khả biến đơn vị SP A là 100.000 đồng, SPB là 180.000 đồng. Nhu cầu tiêu thụ SP A và B đều như nhau và đều phải tận dụng hết công suất của máy móc thiết bị mới đủ đáp ứng nhu cầu đó. Vậy, loại SP nào nên được lựa chọn sản xuất để đạt lợi nhuận cao nhất?

Trường hợp có 1 năng lực giới hạn

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính: 1.000 đồng</u>	
	<u>Sản xuất SP A</u>	<u>Sản xuất SP B</u>
Số dư đảm phí đơn vị sản phẩm	150	120
Số giờ máy cần để sản xuất 1 đơn vị SP	2	1
Số dư đảm phí 1 giờ máy	75	120
Tổng số giờ máy/năm	18.000	18.000
Tổng số dư đảm phí/năm	1.350.000	2.160.000

Trường hợp có nhiều năng lực giới hạn

Bước 1: Xác định hàm mục tiêu và biểu diễn chúng thành dạng phương trình đại số.

Bước 2: Xác định các điều kiện giới hạn và biểu diễn chúng thành dạng phương trình đại số.

Bước 3: Biểu diễn các hàm điều kiện trên đồ thị và xác định vùng sản xuất tối ưu, là vùng giới hạn bởi các đường biểu diễn các hàm điều kiện với hai trục tọa độ.

Bước 4: Kết hợp với hàm mục tiêu, xác định phương án sản xuất tối ưu trên vùng sản xuất tối ưu.

Trường hợp có nhiều năng lực giới hạn

Công ty ABC tiến hành sản xuất hai loại sản phẩm X và Y. Số dư đảm phí của một đơn vị SP X là 8 đơn vị và SP Y là 10 đơn vị. Mỗi kỳ sản xuất chỉ sử dụng tối đa 36 đơn vị giờ máy và 24 đơn vị nguyên liệu. Số giờ máy để sản xuất một đơn vị SP X là 6 đơn vị và SP Y là 9 đơn vị. Số nguyên liệu để sản xuất một đơn vị SP X là 6 đơn vị và SP Y là 3 đơn vị. Đồng thời, trong mỗi kỳ chỉ có thể bán được tối đa 3 đơn vị SP Y. Công ty phải sản xuất theo cơ cấu sản phẩm như thế nào để đạt được lợi nhuận cao nhất?

Trường hợp có nhiều năng lực giới hạn

Bước 1: Hàm mục tiêu thể hiện mục đích mà người quản lý cố gắng đạt được. Mục đích trong trường hợp này là làm tăng tối đa số dư đảm phí.

Đặt Z là số dư đảm phí mà kết cấu sản phẩm sản xuất tối ưu tạo ra, ta có phương trình hàm mục tiêu:

$$Z = 8x + 10y \rightarrow \text{Max}$$

Bước 2: Xác định các hàm điều kiện:

- Hàm điều kiện về số giờ máy sử dụng:

$$6x + 9y \leq 36$$

- Hàm điều kiện về nguyên liệu sử dụng:

$$6x + 3y \leq 24$$

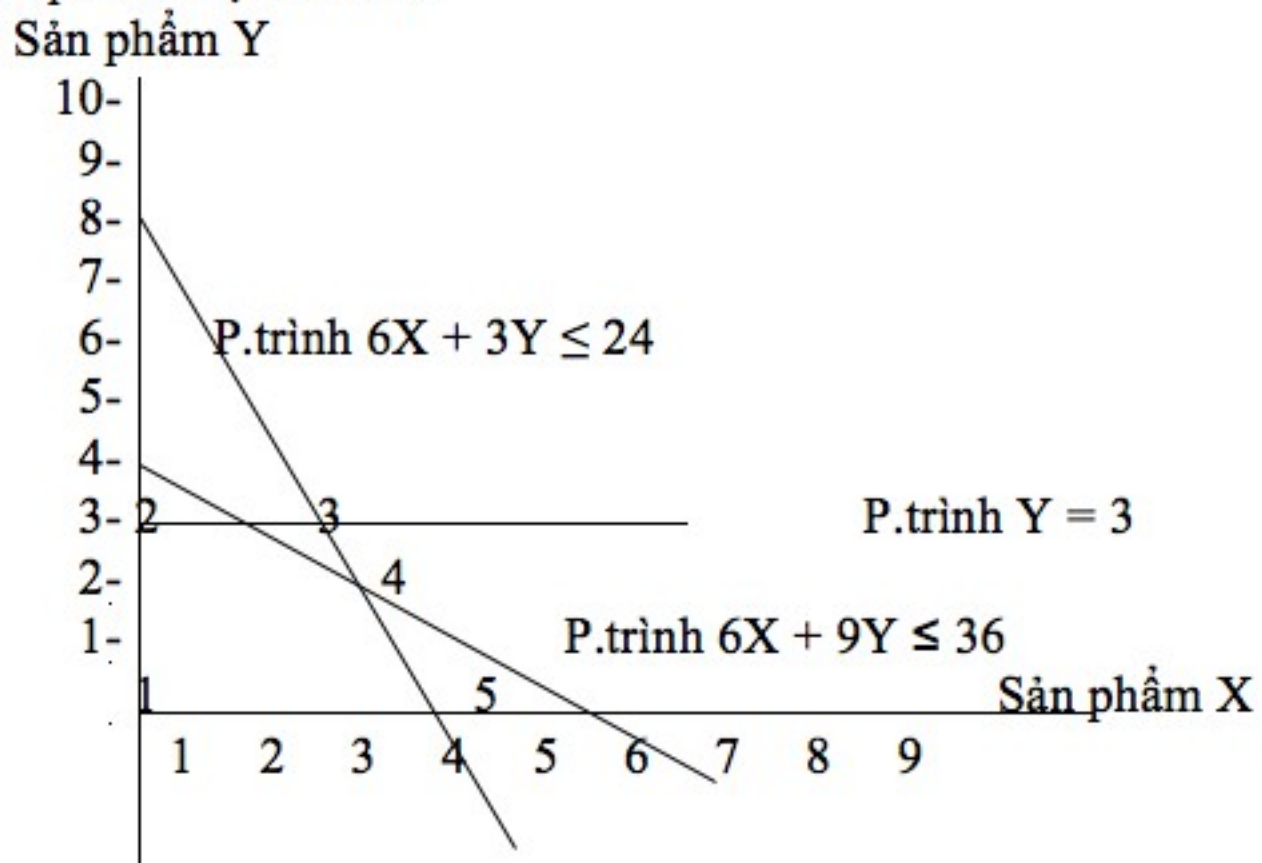
- Hàm điều kiện về lượng SP Y tiêu thụ:

$$y \leq 3$$

Trường hợp có nhiều năng lực giới hạn

Bước 3: Xác định vùng sản xuất tối ưu trên đồ thị:

Vùng sản xuất tối ưu là vùng giới hạn bởi 3 hàm điều kiện trên với 2 trục tọa độ, thể hiện qua đồ thị như sau:



Trường hợp có nhiều năng lực giới hạn

Bước 4: Xác định phương án sản xuất tối ưu:

Bảng tính giá trị hàm mục tiêu theo tọa độ của các góc:

Góc	<u>Cơ cấu sản phẩm sản xuất</u>		<u>Giá trị hàm mục tiêu</u>
	<u>SP X</u>	<u>SP Y</u>	
1	0	0	0
2	0	3	30
3	1,5	3	42
4	3	2	44
5	4	0	32

Cơ cấu 3X và 2Y là tối ưu

2.5 Các quyết định về giá bán của phẩm

- Định giá các sản phẩm sản xuất hàng loạt
- Định giá sản phẩm theo thời gian lao động và nguyên vật liệu sử dụng
- Định giá trong các trường hợp đặc biệt

Định giá các sản phẩm sản xuất hàng loạt

□ Giá bán = chi phí nền + chi phí tăng thêm

Theo phương pháp tính toán bộ thì:

- Chi phí nền là toàn bộ chi phí để sản xuất một đơn vị sản phẩm, bao gồm các khoản mục chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

- Chi phí tăng thêm gồm bộ phận để bù đắp hai khoản mục chi phí còn lại là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, và phần giá trị dôi ra để đảm bảo cho doanh nghiệp có mức hoàn vốn theo mong muốn của người quản lý. Chi phí tăng thêm được xác định theo một tỉ lệ phần trăm so với chi phí nền:

$$\text{Chi phí tăng thêm} = \text{Chi phí nền} \times \text{Tỉ lệ (\%)} \text{ tăng thêm so với chi phí nền}$$

Định giá các sản phẩm sản xuất hàng loạt

□ Theo phương pháp toàn bộ

$$\begin{aligned} \text{Ti lệ (\%) tăng thêm so với chi phí nền} &= \frac{\text{Mức hoàn vốn đầu tư m.muốn} + \text{Cphí bán hàng và cphí qlý DN}}{\text{Chi phí sản xuất đơn vị sản phẩm} \times \text{Khối lượng sản phẩm t.thụ}} \times 100 \\ &= \frac{\text{Vốn đầu tư} \times \text{Ti lệ hoàn vốn m.muốn} + \text{C.phí bán hàng và cp qlý DN}}{\text{Chi phí sản xuất đơn vị sản phẩm} \times \text{Khối lượng sản phẩm t.thụ}} \times 100 \end{aligned}$$

Định giá các sản phẩm sản xuất hàng loạt theo phương pháp toàn bộ

▣ Ví dụ

Công ty ABC đã xác định mức đầu tư 1,1 tỉ đồng là hợp lý cho việc sản xuất và tiêu thụ 20.000 đơn vị sản phẩm X mỗi năm, với tỉ lệ hoàn vốn đầu tư mong muốn là 20%. Tổng định phí sản xuất chung 180 triệu và tổng định phí bán hàng và quản lý DN 20 triệu. Phòng kế toán của công ty đã ước tính chi phí sản xuất và tiêu thụ một đơn vị SP X như sau:

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp: 11.000 đ
- Chi phí nhân công trực tiếp: 5.000 đ
- Biến phí sản xuất chung: 3.000 đ
- Định phí sản xuất chung: 9.000 đ
- Biến phí bán hàng và quản lý: 2.000 đ
- Định phí bán hàng và quản lý: 1.000 đ

Hãy định giá bán sản phẩm X

Định giá các sản phẩm sản xuất hàng loạt lớn theo phương pháp toàn bộ

▣ Ví dụ

$$\begin{aligned} \text{- Chi phí nền} &= \text{CP NL, VLTT} + \text{CPNCTT} + \text{CPSXC} \\ &= 11.000 \text{ đ} + 5.000 \text{ đ} + (3.000 \text{ đ} + 9.000 \text{ đ}) \\ &= 28.000 \text{ đ} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{- Tỷ lệ (\%) chi phí tăng thêm so với C.phí nền} &= \frac{(1.100.000.000 \text{ đ} \times 20\%) + [(2.000 \text{ đ} + 1.000 \text{ đ}) \times 20.000]}{28.000 \text{ đ} \times 20.000} \times 100 \\ &= 50\% \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{- Chi phí tăng thêm} &= 28.000 \text{ đ} \times 50\% \\ &= 14.000 \text{ đ} \end{aligned}$$

$$\text{Vậy, giá bán đơn vị sản phẩm} = 28.000 \text{ đ} + 14.000 \text{ đ} = 42.000 \text{ đ}$$

Định giá các sản phẩm sản xuất hàng loạt

□ Giá bán = chi phí nền + chi phí tăng thêm

Theo phương pháp tính trực tiếp (hay còn gọi là phương pháp đảm phí) thì:

- Chi phí nền là toàn bộ chi phí khả biến để sản xuất và tiêu thụ một đơn vị sản phẩm, gồm chi phí NL, VL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, biến phí sản xuất chung, biến phí bán hàng và biến phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí tăng thêm gồm bộ phận dùng để bù đắp phần định phí còn lại là định phí sản xuất chung, định phí bán hàng và định phí quản lý doanh nghiệp, và phân đôi ra để thoả mãn mức hoàn vốn đầu tư theo mong muốn của người quản lý.

Định giá các sản phẩm sản xuất hàng loạt theo phương pháp trực tiếp

Chi phí tăng thêm = Chi phí nền \times Tỷ lệ (%) tăng thêm so với chi phí nền

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ (\%) tăng thêm so với chi phí nền} &= \frac{\text{Mức hoàn vốn đầu tư mong muốn} + \text{Tổng chi phí bất biến}}{\text{Chi phí khả biến đơn vị} \times \text{Khối lượng SP t.thụ}} \times 100 \\ &= \frac{\text{Mức vốn đầu tư} \times \text{Tỷ lệ hoàn vốn m.muốn} + \text{Tổng Cphí Bbiến}}{\text{Chi phí khả biến đơn vị} \times \text{Khối lượng SP t.thụ}} \times 100 \end{aligned}$$

Định giá các sản phẩm sản xuất hàng loạt theo phương pháp trực tiếp

▣ Ví dụ

Công ty ABC đã xác định mức đầu tư 1,1 tỉ đồng là hợp lý cho việc sản xuất và tiêu thụ 20.000 đơn vị sản phẩm X mỗi năm, với tỉ lệ hoàn vốn đầu tư mong muốn là 20%. Tổng định phí sản xuất chung 180 triệu và tổng định phí bán hàng và quản lý DN 20 triệu. Phòng kế toán của công ty đã ước tính chi phí sản xuất và tiêu thụ một đơn vị SP X như sau:

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp: 11.000 đ
- Chi phí nhân công trực tiếp: 5.000 đ
- Biến phí sản xuất chung: 3.000 đ
- Định phí sản xuất chung: 9.000 đ
- Biến phí bán hàng và quản lý: 2.000 đ
- Định phí bán hàng và quản lý: 1.000 đ

Hãy định giá bán sản phẩm X

Định giá các sản phẩm sản xuất hàng loạt I theo phương pháp trực tiếp

▢ Ví dụ

- Chi phí nền = CPNL, VLTT + CPNCTT + Biến phí SXC + Biến phí bán hàng và
quản lý DN

$$= 11.000 \text{ đ} + 5.000 \text{ đ} + 3.000 \text{ đ} + 2.000 \text{ đ}$$

$$= 21.000 \text{ đ}$$

- Tỷ lệ (%) tăng thêm so với chi phí nền = $\frac{(1.100.000.000 \text{ đ} \times 20\%) + (180.000.000 + 20.000.000)}{21.000 \text{ đ} \times 20.000} \times 100$
= 100%

- Chi phí tăng thêm = Chi phí nền \times Tỷ lệ (%) tăng thêm so với chi phí nền
= $21.000 \text{ đ} \times 100\%$
= 21.000 đ

Vậy, giá bán đơn vị SP = $21.000 \text{ đ} + 21.000 \text{ đ}$
= 42.000 đ

Định giá sản phẩm theo thời gian lao động và nguyên vật liệu sử dụng

- Thích hợp với: đơn vị dịch vụ, tư vấn
- Giá cả một đơn vị thời gian lao động cho các dịch vụ (thường được tính theo giờ công phục vụ) bao gồm tiền công phải trả cho công nhân thực hiện dịch vụ (lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương), phần tăng thêm để bù đắp chi phí quản lý chung, và lợi nhuận tăng thêm tính theo giờ công lao động của công nhân.
- Giá cả một đơn vị nguyên liệu (hoặc phụ tùng) sử dụng gồm giá mua cùng các chi phí khác liên quan như chi phí mua, lưu kho và bảo quản, cộng với phần lợi nhuận tính theo đơn vị nguyên liệu.

Định giá sản phẩm trong trường hợp đặc biệt

- Hoạt động trong tình trạng năng lực sản xuất đã thừa
- Hoạt động trong điều kiện khó khăn về thị trường
- Hoạt động trong tình trạng cạnh tranh đã ấu đầu

Phương pháp định giá trực tiếp

Mẫu tổng quát về định giá theo phương pháp trực tiếp

- Các chi phí khả biến:

Chi phí NL, VLTT xxx

Chi phí NCTT xxx

Biến phí SXC xxx

Biến phí bán hàng xxx

Biến phí quản lý DN xxx

Tổng chi phí khả biến xxx Nên

- Chi phí tăng thêm (để bù đắp chi phí bất biến và tạo lãi)

xxx

- Giá bán

xxx

Đinh



Phạm vi
linh hoạt